

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

Các Báo cáo Tài chính Hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
THÔNG TIN CHUNG.....	1 - 2
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập.....	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyển tiền tệ hợp nhất.....	9 - 10
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất.....	11 - 74



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992, có thời hạn 99 năm.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15 -17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười chín (19) chi nhánh, và năm mươi ba (53) phòng giao dịch và bảy (07) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Ngân hàng có một công ty con là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, với tỷ lệ sở hữu 98,66%.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm vào ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 2 năm 2002
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 8 năm 2007
Bà Đỗ Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm vào ngày 24 tháng 5 năm 2011

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày lập báo cáo này là bà Bùi Thị Mai, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho các năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

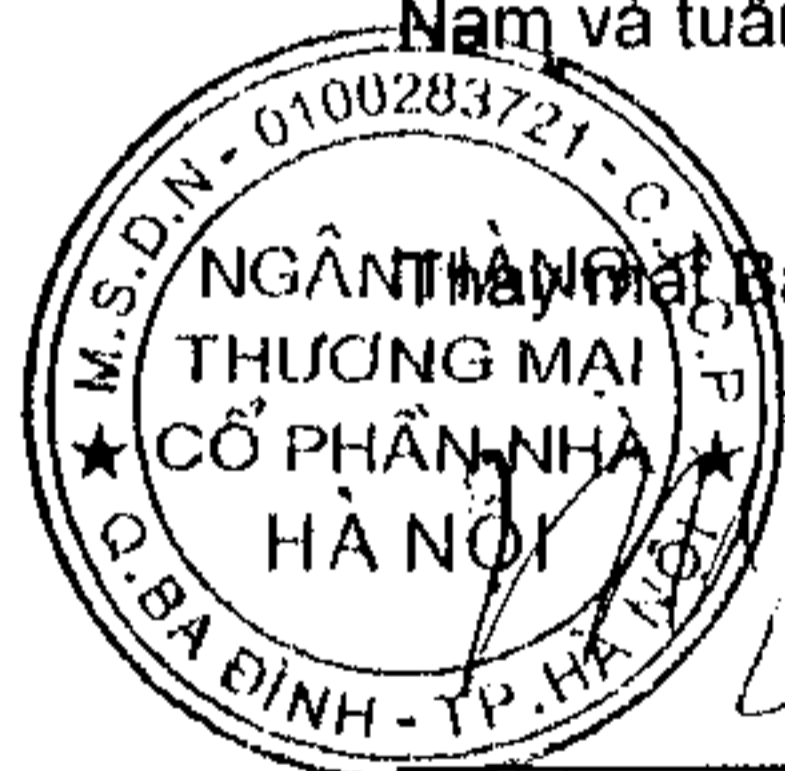
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

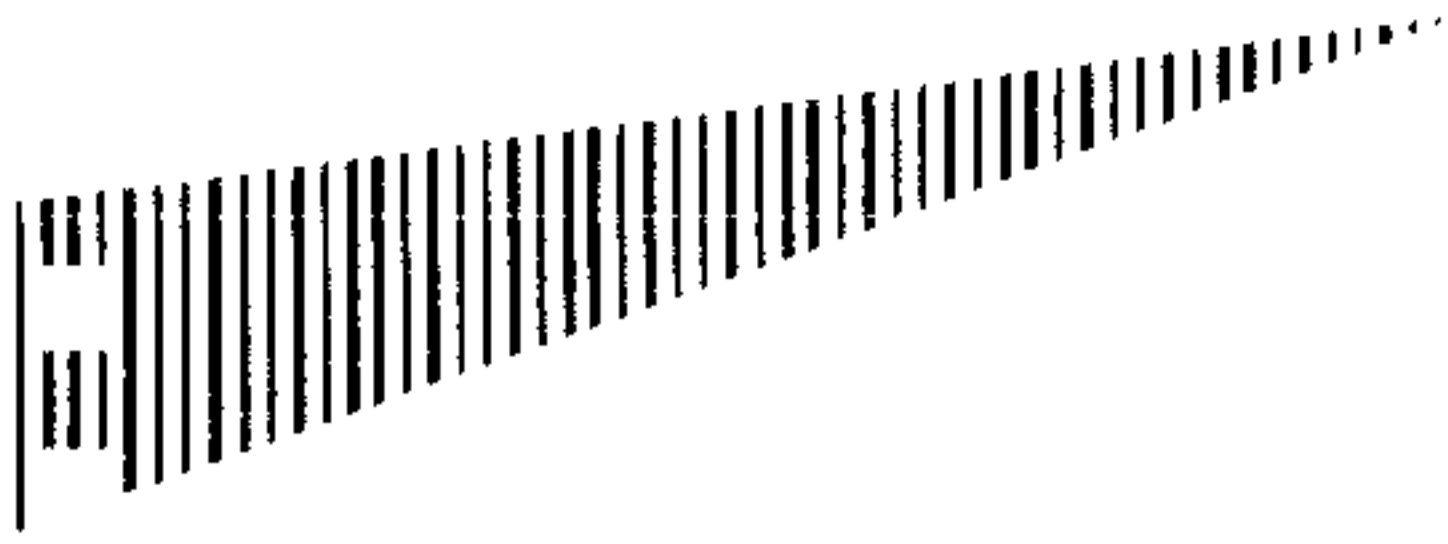


Thay mặt Ban Điều hành:

Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2012



Số tham chiếu: 60755044/14681553

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Ngân hàng") và công ty con được trình bày từ trang 5 đến trang 74, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.



Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán


Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.


Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam


Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV


Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0761/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B02 /TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	347.533	348.634
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	440.766	34.087
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	7	4.622.781	7.692.904
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác		4.622.781	7.673.054
Cho vay các TCTD khác		-	20.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	(150)
Chứng khoán kinh doanh	8	63.392	241.113
Chứng khoán kinh doanh		92.749	267.813
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(29.357)	(26.700)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	1.081	-
Cho vay khách hàng		21.761.358	18.300.130
Cho vay khách hàng	10	22.352.405	18.684.558
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(591.047)	(384.428)
Chứng khoán đầu tư	12	11.770.625	7.427.959
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	7.526.821	3.447.370
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	4.349.271	4.004.518
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	12.3	(105.467)	(23.929)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		263.071	254.284
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác	13	279.459	281.959
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13	(16.388)	(27.675)
Tài sản cố định	14	240.866	233.008
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>14.1</i>	<i>181.462</i>	<i>172.974</i>
Nguyên giá tài sản cố định		319.882	285.613
Hao mòn tài sản cố định		(138.420)	(112.639)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>14.2</i>	<i>59.404</i>	<i>60.034</i>
Nguyên giá tài sản cố định		95.143	86.179
Hao mòn tài sản cố định		(35.739)	(26.145)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	15	1.774.027	3.455.607
Các khoản phải thu	15.2	517.614	249.415
Các khoản lãi, phí phải thu	15.1	1.179.663	686.546
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản Có khác	15.3	92.421	2.519.646
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(15.671)	-
TỔNG TÀI SẢN		41.285.500	37.987.726

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B02 /TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2011 triệu đồng</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	2.631.511	2.011.548
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	11.742.622	10.450.209
Tiền gửi của các TCTD khác	17.1	11.535.445	10.313.744
Vay các TCTD khác	17.2	207.177	136.465
Tiền gửi của khách hàng	18	18.566.902	16.186.048
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	9	-	17.127
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	19	373.586	871.574
Phát hành giấy tờ có giá	20	2.951.376	3.752.783
Các khoản nợ khác		626.882	1.164.985
Các khoản lãi, phí phải trả		444.878	264.827
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	21	172.452	886.741
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	11	9.552	13.417
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		36.892.879	34.454.274
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD	23	4.051.455	3.001.455
Vốn điều lệ		4.050.000	3.000.000
Vốn đầu tư XD CB		-	-
Thặng dư vốn cổ phần		1.455	1.455
Cổ phiếu quỹ		-	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-
Quỹ của TCTD	23	208.287	162.856
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	23	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	23	130.781	369.141
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.390.523	3.533.452
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ		2.098	-
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ		4.392.621	3.533.452
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ		41.285.500	37.987.726

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

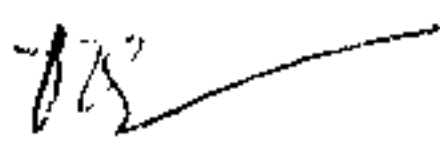
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B02 /TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

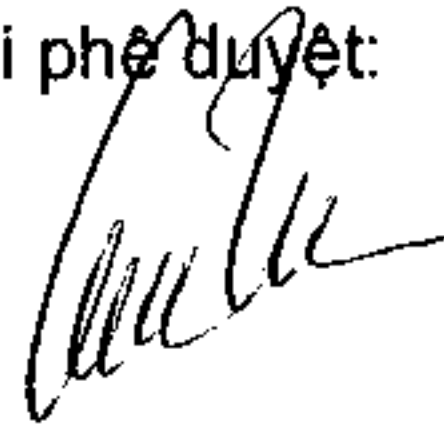
	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2011 triệu đồng</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		-	
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		267.178	751.569
Bảo lãnh khác		1.006.415	1.037.771
	38	1.273.593	1.789.340
Các cam kết đưa ra			
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
		-	-

Người lập:



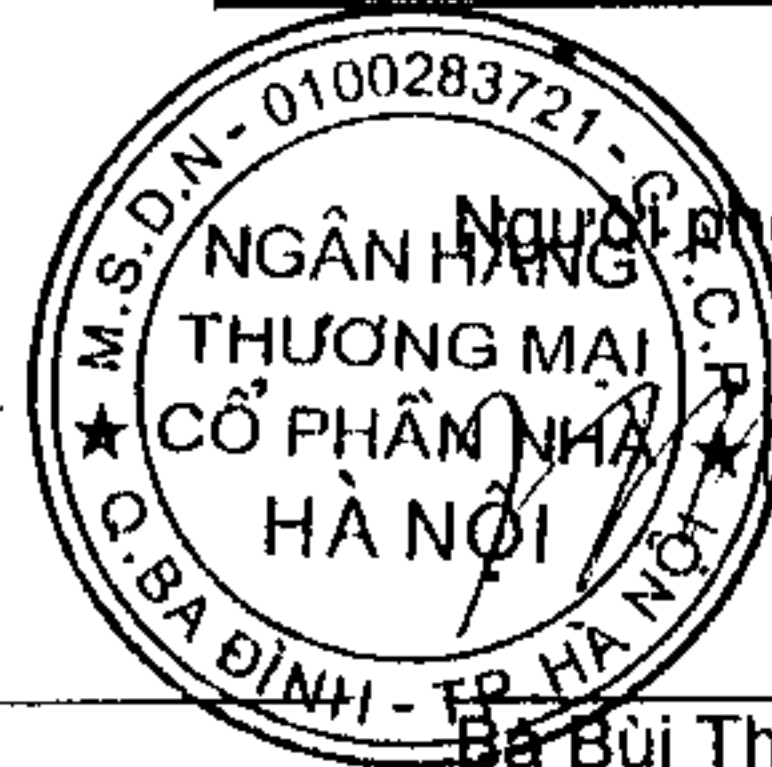
Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 48 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

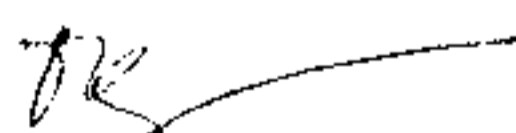
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B02 /TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	5.776.111	3.059.322
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(4.939.280)	(2.310.698)
Thu nhập lãi thuần		836.831	748.624
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		113.743	142.198
Chi phí hoạt động dịch vụ		(26.979)	(32.064)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	28	86.764	110.134
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	(104.893)	(14.267)
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	(10.060)	90.979
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	31	262.793	107.900
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	32	42.482	215.493
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	33	3.169	5.465
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.117.086	1.264.328
Chi phí tiền lương		(198.204)	(156.906)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(45.400)	(38.582)
Chi phí hoạt động khác		(272.249)	(191.456)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	34	(515.853)	(386.944)
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG		601.233	877.384
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho vay TCTD khác	7	150	(150)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11.1	(295.116)	(280.317)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng	11.2	3.865	4.880
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		310.132	601.797
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(75.883)	(125.476)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
Chi phí thuế TNDN		(75.883)	(125.476)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		234.249	476.321
<i>Trong đó:</i>			
<i>Lợi nhuận thuộc về cổ đông của Công ty mẹ</i>		234.151	476.321
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>		98	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	24	679	1.588

Người lập:

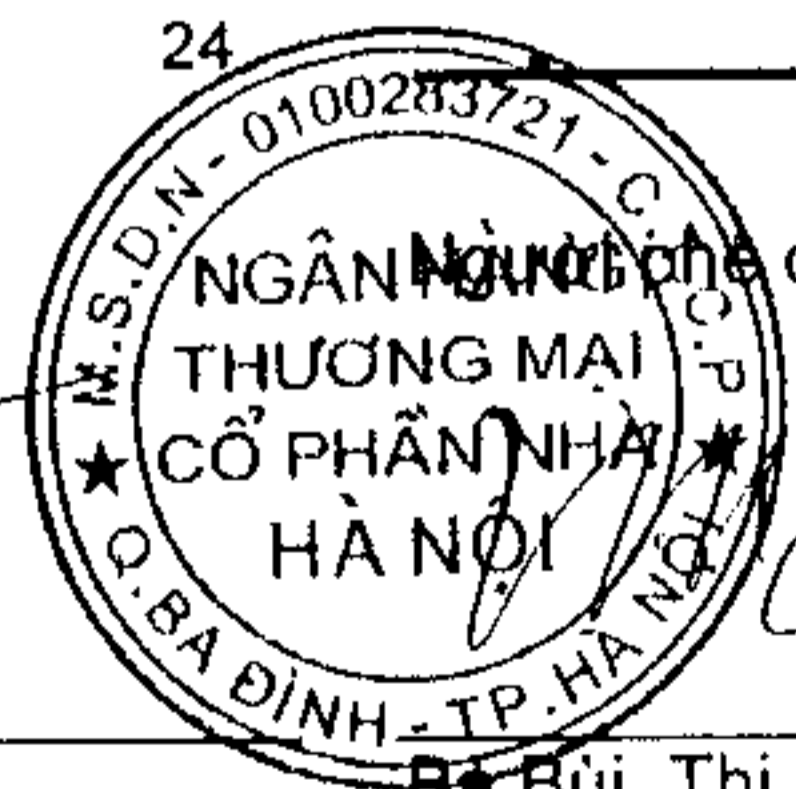


Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 48 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B04/ TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		5.014.795	2.688.565
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(4.759.227)	(2.307.472)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		86.764	110.134
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		232.035	135.000
Thu nhập khác		(4.713)	(24.542)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	20.198	83.280
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(470.454)	(348.360)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	22.1	(119.527)	(95.014)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		(129)	241.591
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		437.604	978.977
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán (Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(3.249.140)	(1.520.660)
(Tăng)/giảm các khoản cho vay khách hàng		(1.081)	5.210
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		853.460	(5.326.152)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(99.784)	(115.727)
		(2.088.435)	(2.492.237)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		619.963	(430.266)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		1.292.413	2.876.824
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		2.380.854	2.537.581
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(497.988)	2.184.284
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(17.127)	635.364
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(801.408)	14.688
Tăng khác về công nợ hoạt động		370.088	602.335
Chi từ các quỹ của TCTD		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(800.710)	191.812
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	14	(43.233)	(67.786)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		26.996	147.556
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(102.803)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	13	2.500	23.348
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	33	3.169	5.465
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.568)	5.780

B
H
C
A
P

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B04/ TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ		-	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(415.813)	(177.345)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Các khoản khác		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(415.813)	(177.345)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.227.091)	20.247
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	35	5.735.392	5.715.145
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	35	4.508.301	5.735.392

Các giao dịch phi tiền tệ

Trong năm 2011, vốn điều lệ của Ngân hàng tăng lên 1.050.000 triệu đồng từ chuyển đổi trái phiếu (xem Thuyết minh số 23.1).

Người lập:

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:

Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 48 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

12/02/2012

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu; trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng thời kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 4.050.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 3.000.000 triệu đồng).

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Ban Điều hành

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007
Bà Đỗ Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2011

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười chín (19) chi nhánh, và năm mươi ba (53) phòng giao dịch và bảy (07) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên Công ty	Quyết định Thành lập số	Lĩnh vực Hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Giấy phép thành lập và hoạt động số 112/GP-UBCK ngày 26 tháng 08 năm 2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán, thị trường vốn	98,66%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.864 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.464 người).

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam. Việc trình bày này không ảnh hưởng đến cái nhìn của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con. Riêng đối với các chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu, Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị như trong Thuyết minh số 23.1 và Thuyết minh số 24.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam*

Ban Điều hành của Ngân hàng khẳng định rằng các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

3.2 *Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất*

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 *Hợp nhất các báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hay gián tiếp thông qua công ty con. Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất thành chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

3.4 *Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng*

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Mặc dù có một số khó khăn trong hoạt động kinh doanh do tình hình chung của thị trường và do một số vấn đề liên quan đến nợ xấu của Ngân hàng, Ban Điều hành Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Điều hành không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.5 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Ngân hàng và công ty con đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 43 và 46 trên các báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.2 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Riêng đối với các khoản cho vay một số công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) và các đơn vị đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Các khoản vay này được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về việc xem xét khoan và cơ cấu lại các khoản nợ cũ của Vinashin và các đơn vị thành viên của Vinashin đã chuyển sang PVN và Vinalines. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của Ngân hàng.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Ngân hàng thực tế hạch toán cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày ở Thuyết minh số 11.

4.3 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và công ty con mua hẵn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Đầu tư vào chứng khoán

4.4.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần mua bán chứng khoán đầu tư".

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Đầu tư vào chứng khoán (tiếp theo)

4.4.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và/hoặc công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng và công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

4.5 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 *Đầu tư góp vốn dài hạn khác*

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

4.7 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.8 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 *Khấu hao*

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy tính	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

4.10 *Ghi nhận doanh thu và chi phí*

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4.11 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 48). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.14 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

4.15 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.16 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng rủi ro tín dụng tại Thuyết minh số 4.2. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động*" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.18 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

4.18.1 Các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và hợp đồng tương lai ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua / bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác" nếu dương hoặc khoản mục công nợ – khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối".

4.18.2 Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trên cơ sở giá thị trường, giá gốc của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

4.19 Cán trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cán trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc cán trừ và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Lợi ích của nhân viên

4.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

4.20.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

4.20.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.21 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách áp dụng lãi suất thị trường cho loại trái phiếu không chuyển đổi tương tự. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Các chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi sau khi trừ thuế cũng được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ phân chia tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền mặt bằng VNĐ	208.646	209.329
Tiền mặt bằng ngoại tệ	117.092	81.932
Vàng tiền tệ	21.795	57.373
	347.533	348.634

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền gửi tại NHNN	440.766	34.087
- Bảng đồng Việt Nam	419.822	20.284
- Bảng ngoại tệ	20.944	13.803
	440.766	34.087

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Trong năm 2011, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,10%/năm (trước đó là 1,20%/năm và 0,50%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% và 1,00% (2010: 3,00% và 1,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng. Đối với tiền gửi ngoại tệ, tỷ lệ này là 8,00% và 6,00% (năm 2010: 4,00% và 2,00%). Theo đó, mức dự trữ bắt buộc (bằng VNĐ và ngoại tệ) trung bình trong tháng 12 năm 2011 là 462.984 triệu đồng đối với tiền gửi VNĐ và 10.880 ngàn USD đối với tiền gửi ngoại tệ. Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

7. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	<i>31/12/2011</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	4.622.781	7.673.054
Cho vay các TCTD khác	-	20.000
Dự phòng rủi ro cho vay TCTD khác	-	(150)
	4.622.781	7.692.904

Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác bao gồm:

	<i>31/12/2011</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn		
- <i>Bảng VNĐ</i>	5.643	511.062
- <i>Bảng ngoại tệ, vàng</i>	323.330	292.628
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn		
- <i>Bảng VNĐ (*)</i>	3.473.521	5.491.298
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	820.287	1.108.875
- <i>Bảng vàng</i>	-	269.191
	4.622.781	7.673.054

(*): Trong đó có một số hợp đồng tiền gửi tại một số tổ chức tín dụng khác đã quá hạn với số tiền là 223.954 triệu đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	31/12/2011 <i>triệu đồng</i>	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>
Chứng khoán Nợ	50.000	208.224
Chứng khoán Chính phủ	50.000	208.224
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán nợ nước ngoài	-	-
Chứng khoán Vốn	42.749	59.589
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	34.694	11.054
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	8.055	48.535
Chứng khoán vốn nước ngoài	-	-
Chứng khoán kinh doanh khác	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(29.357)	(26.700)
	63.392	241.113

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2011 <i>triệu đồng</i>	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>
Chứng khoán Nợ	50.000	208.224
Đã niêm yết	50.000	208.224
Chưa niêm yết	-	-
Chứng khoán Vốn	42.749	59.589
Đã niêm yết	33.591	39.548
Chưa niêm yết	9.158	20.041
Chứng khoán kinh doanh khác	-	-
Đã niêm yết	-	-
Chưa niêm yết	-	-

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	<i>Tổng giá trị theo hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)</i>	<i>Tổng giá trị ghi sổ kế toán</i>		
		<i>Tài sản</i>	<i>Công nợ</i>	<i>Giá trị ròng</i>
Tại ngày 31/12/2011				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	267.212	268.035	266.954	1.081
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	-	-	-	-
- Giao dịch hoán đổi	267.212	268.035	266.954	1.081
Tại ngày 31/12/2010				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	980.227	996.503	1.013.630	(17.127)
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	166.660	176.428	197.260	(20.832)
- Giao dịch hoán đổi	813.567	820.075	816.370	3.705

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2011 <i>triệu đồng</i>	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	17.540.005	16.101.536
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	209.339	420.936
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	81.755	66.866
Nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý	-	-
	17.831.099	16.589.338
Phân loại lại từ ủy thác đầu tư (*)	4.521.306	2.095.220
	22.352.405	18.684.558

(*) Đây là các khoản tiền mà Ngân hàng giải ngân cho các tổ chức kinh tế, cá nhân dưới hình thức ủy thác đầu tư. Theo đó, các tổ chức kinh tế, cá nhân này sẽ đầu tư và tự chịu rủi ro đồng thời sẽ trả cho Ngân hàng một khoản phí lãi suất theo tỷ lệ cố định. Do hình thức ủy thác đầu tư này không hoàn toàn có tính chất như hoạt động tín dụng nên Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng cho khoản mục này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

	2011 <i>lãi suất %/năm</i>	2010 <i>lãi suất %/năm</i>
Cho vay thương mại bằng VNĐ	14,00 - 22,50	6,80 - 19,82
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	5,00 - 9,70	4,70 - 8,30
Phân loại lại từ ủy thác đầu tư	0,00 - 26,00	0,00 - 25,00

Cho vay thương mại gồm các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn, bao gồm cả các khoản vay đồng tài trợ mà Ngân hàng làm đầu mối, bằng VNĐ và đô la Mỹ.

10.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2011 <i>triệu đồng</i>	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>
Phân loại lại từ ủy thác đầu tư	4.521.306	2.095.220
Nợ cho vay Vinashin (*)	2.751.470	2.384.520
Nợ đủ tiêu chuẩn	10.290.072	12.370.978
Nợ cần chú ý	3.800.878	1.386.568
Nợ dưới tiêu chuẩn	417.051	140.410
Nợ nghi ngờ	169.239	118.630
Nợ có khả năng mất vốn	402.389	188.232
	22.352.405	18.684.558

(*) Xem thuyết minh số 11.1

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	14.566.700	12.135.698
Nợ trung hạn	2.551.241	2.430.092
Nợ dài hạn	5.234.464	4.118.768
	22.352.405	18.684.558

10.3. Phân tích dư nợ theo loại tiền tệ

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Cho vay thương mại bằng VND	18.914.903	15.885.825
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	3.437.502	2.798.733
	22.352.405	18.684.558

10.4. Phân tích dư nợ theo khu vực địa lý

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Khu vực Miền Bắc	18.747.308	16.510.642
Khu vực Miền Trung	244.886	187.889
Khu vực Miền Nam	3.360.211	1.986.027
	22.352.405	18.684.558

10.5. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2011		31/12/2010	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các TCKT	17.063.328	76,34%	14.179.312	75,89%
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	8.880	0,04%	-	-
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	1.301.540	5,82%	1.325.213	7,09%
Công ty TNHH nhà nước	176.241	0,79%	104.905	0,56%
Công ty TNHH tư nhân	5.097.904	22,81%	4.986.067	26,69%
Công ty cổ phần nhà nước	282.913	1,27%	616.577	3,30%
Công ty cổ phần khác	9.134.378	40,87%	6.283.514	33,63%
Công ty hợp danh	-	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân	813.924	3,64%	490.882	2,63%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.448	0,06%	39.139	0,21%
Kinh tế tập thể	233.100	1,04%	333.015	1,78%
Cho vay cá nhân	5.289.077	23,66%	4.505.246	24,11%
Cho vay khác	-	-	-	-
	22.352.405	100,00%	18.684.558	100,00%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

10.6. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	212.843	0,95%	152.089	0,81%
Thủy sản	1.500	0,01%	1.980	0,01%
Công nghiệp khai thác mỏ	684.968	3,06%	573.147	3,07%
Công nghiệp chế biến	3.617.913	16,19%	3.559.653	19,05%
SX và PP điện khí đốt và nước	629.556	2,82%	515.761	2,76%
Xây dựng	1.360.549	6,09%	1.294.021	6,93%
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	3.926.689	17,57%	2.430.398	13,01%
Khách sạn và nhà hàng	16.492	0,07%	11.940	0,06%
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	2.491.047	11,14%	2.790.967	14,94%
Hoạt động tài chính	14.067	0,06%	2.802.119	15,00%
Hoạt động khoa học và công nghệ	136.702	0,61%	113.055	0,61%
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	3.405.994	15,24%	1.328.540	7,11%
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng: Đảng, đoàn thể	-	-	-	-
Giáo dục và đào tạo	9.508	0,04%	14.498	0,08%
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	53.987	0,24%	61.602	0,33%
Hoạt động văn hoá thể thao	58.874	0,26%	51.052	0,27%
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	5.102	0,02%	2.000	0,01%
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	437.537	1,96%	571.710	3,06%
Ngành khác	5.289.077	23,66%	2.410.026	12,90%
	22.352.405	100,00%	18.684.558	100,00%

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	triệu đồng	triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	591.047	384.428
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	9.552	13.417
	600.599	397.845

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

11.1 Thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	252.386	132.042	384.428
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	556.825	57.972	614.797
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(263.053)	(56.628)	(319.681)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(1.589)	-	(1.589)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	544.569	133.386	677.955
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(86.812)	(96)	(86.908)
Số dư cuối kỳ	457.757	133.290	591.047

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	156.136	63.703	219.839
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	338.245	102.561	440.806
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(126.267)	(34.222)	(160.489)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(115.431)	-	(115.431)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	252.683	132.042	384.725
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(297)	-	(297)
Số dư cuối kỳ	252.386	132.042	384.428

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6 của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2011.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

11.1 Thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2011 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

<i>Phân loại</i>	<i>Dư nợ cho vay triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng triệu đồng</i>
Nợ cho vay nhóm Vinashin (*)	2.751.279	18.629	20.635	39.264
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.186.955	-	83.902	83.902
Nợ cần chú ý	3.286.703	70.285	24.650	94.935
Nợ dưới tiêu chuẩn	417.686	70.417	3.133	73.550
Nợ nghi ngờ	142.134	37.811	1.066	38.877
Nợ có khả năng mất vốn	484.726	347.427	-	347.427
	18.269.483	544.569	133.386	677.955

(*) Đây là dư nợ cho một số công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) và các đơn vị đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Các khoản vay này được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về việc xem xét khoan hồng và cơ cấu lại các khoản nợ cũ của Vinashin và các đơn vị thành viên của Vinashin đã chuyển sang PVN và Vinalines. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể theo khả năng tài chính của Ngân hàng.

11.2 Thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng trong năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	-	13.417	13.417
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	-	-
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.865)	(3.865)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	-	9.552	9.552
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	9.552	9.552

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

11. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

11.2 Thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng trong năm trước bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	-	18.297	18.297
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	-	-	-
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(4.880)	(4.880)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	-	13.417	13.417
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	13.417	13.417

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6 của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ cam kết ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2011.

Dự phòng cho số công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2011:

<i>Phân loại</i>	<i>Số dư ngoại bảng (*) triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.273.593	-	9.552	9.552
Nợ cần chú ý	-	-	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-	-	-
	1.273.593	-	9.552	9.552

(*) số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2011

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2011 <i>triệu đồng</i>	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán Nợ	7.494.821	3.415.370
Chứng khoán Chính phủ	6.472.895	2.753.688
Chứng khoán Nợ do các TCTD trong nước phát hành	151.125	233.682
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	870.801	428.000
Chứng khoán Vốn	32.000	32.000
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	32.000	32.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(101.587)	(23.929)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.349.271	4.004.518
Chứng khoán Chính phủ	201.163	795.121
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	2.720.530	1.769.152
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.427.578	1.440.245
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(3.880)	-
	11.770.625	7.427.959

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán nợ sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	<i>Mệnh giá triệu đồng</i>	<i>Giá trị ghi số triệu đồng</i>	<i>Mệnh giá triệu đồng</i>	<i>Giá trị ghi số triệu đồng</i>
Chứng khoán Chính phủ	6.154.078	6.472.895	2.737.239	2.753.688
Tin phiếu và Trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ	2.233.078	2.258.532	2.517.239	2.539.003
Trái phiếu đô thị UBND TP Hồ Chí Minh	50.000	66.673	5.000	5.000
Trái phiếu kho bạc Nhà nước	821.000	870.469	55.000	53.071
Trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	2.850.000	3.075.098	160.000	156.614
Ngân hàng Chính sách Xã hội	200.000	202.123	-	-
Chứng khoán do TCTD trong nước phát hành	134.600	151.125	234.600	233.682
Trái phiếu của NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	134.600	151.125	234.600	233.682
Chứng khoán do các TCKT phát hành	878.000	870.801	428.000	428.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hà Nội	300.000	292.801	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đức Khải	200.000	200.000	-	-
Trái phiếu của Tổng Công ty Điện lực VN	-	-	50.000	50.000
Trái phiếu Tổng Công ty Lilama	150.000	150.000	150.000	150.000
Trái phiếu Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	140.000	140.000	140.000	140.000
Trái phiếu Công ty ĐTVT Đường Cao Tốc VN	88.000	88.000	88.000	88.000
	7.166.678	7.494.821	3.399.839	3.415.370

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

- Trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ có thời hạn từ 3 năm đến 5 năm và có lãi suất từ 7,86% đến 13,20%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.
- Trái phiếu Đô thị do UBND TP Hồ Chí Minh phát hành có thời hạn 10 năm; lãi suất 8,8%/năm và lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Kho bạc Nhà nước có thời hạn từ 2 đến 5 năm và có lãi suất 8,5% đến 13,2%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.
- Trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn từ 2 đến 10 năm và có lãi suất là 8,40% đến 12,70%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Ngân hàng Chính sách xã hội có thời hạn 2 năm và lãi suất 12%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.
- Trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm và có lãi suất là 8,15% đến 9,80%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội có thời hạn 3 năm và có lãi suất 20%/năm kỳ đầu, các kỳ sau lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 5,50%); lãi trả định kỳ hàng năm.
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đức Khái có thời hạn 2 năm; kỳ trả lãi đầu tiên là 1 năm với lãi suất cố định là 23%; các kỳ tiếp theo lãi trả định kỳ 6 tháng với lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 6,50%).
- Trái phiếu do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam phát hành có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất là 9,60%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng 1,20%) trong những năm tiếp theo, lãi trả hàng năm. Trái phiếu này đáo hạn ngày 01/09/2011.
- Trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) phát hành có thời hạn từ 5 đến 10 năm, lãi suất từ 9,20% đến 9,60%/năm và lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín phát hành có thời hạn 5 năm, lãi suất 10,00%/năm và lãi được trả hàng năm..
- Trái phiếu Cty ĐTPT Đường Cao Tốc Việt Nam phát hành có thời hạn 15 năm, lãi suất 9,00%/năm và lãi được trả hàng năm.

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng có sử dụng một số chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho hoạt động vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm chi tiết tại *Thuyết minh 46.3*.

Chi tiết các khoản chứng khoán vốn sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Xây dựng (Cavico)	32.000	32.000	32.000	32.000
	32.000	32.000	32.000	32.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2011		31/12/2010	
	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
Chứng khoán Chính Phủ	200.000	201.163	750.000	795.121
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	200.000	201.163	750.000	795.121
Chứng khoán do TCTD trong nước phát hành	2.721.300	2.720.530	1.771.300	1.769.152
Trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	71.300	70.530	71.300	69.152
Kỳ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	1.000.000	1.000.000	-	-
Trái phiếu NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	700.000	700.000	50.000	50.000
Trái phiếu NHTMCP Hàng Hải	-	-	700.000	700.000
Trái phiếu NHTMCP Công thương Việt Nam	300.000	300.000	300.000	300.000
Trái phiếu Ngân hàng Indovina	50.000	50.000	50.000	50.000
Trái Phiếu NHTMCP Dầu khí Toàn cầu	600.000	600.000	600.000	600.000
Chứng khoán do các TC KT phát hành	1.422.000	1.427.578	1.422.000	1.440.245
Trái phiếu Tập đoàn CNTT Vinashin	600.000	600.009	600.000	610.301
Trái phiếu Công ty TNHH Hùng Vương Huệ	32.000	32.000	32.000	32.000
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam	300.000	305.569	300.000	307.944
Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà	140.000	140.000	140.000	140.000
Trái phiếu Tập đoàn Hòa Phát	200.000	200.000	200.000	200.000
Trái phiếu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Sản xuất Hạ Long	150.000	150.000	150.000	150.000
	4.343.300	4.349.271	3.943.300	4.004.518

- *Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam* là các trái phiếu có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm và có lãi suất từ 8,10% đến 11,80%/năm, lãi được trả hàng năm.
- *Trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam* là các trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 8,15%/năm, lãi được trả hàng năm.
- *Kỳ phiếu ghi danh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội* có thời hạn 3 tháng, lãi suất 14%, lãi trả cuối kỳ.
- *Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín* là trái phiếu có kỳ hạn 6 tháng và có lãi suất 14%/năm, lãi được trả cuối kỳ.
- *Trái phiếu Trái phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải* là trái phiếu có kỳ hạn 3 năm và có lãi suất từ 10,80% đến 13,80%/năm, lãi được trả hàng năm.
- *Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương* là các trái phiếu có kỳ hạn 2 năm và có lãi suất từ 11,90% đến 12,50%/năm, lãi trả hàng năm.
- *Trái phiếu Ngân hàng Indovina* có thời hạn 2 năm, lãi suất 12%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.
- *Trái phiếu NHTMCP Dầu khí Toàn cầu* có thời hạn 2 năm, lãi suất 12%/năm, lãi được trả định kỳ hàng năm.
- *Trái phiếu Tập đoàn CNTT Vinashin* là các trái phiếu phát hành năm 2007 có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất cố định 10,00%, lãi được trả hàng năm và trái phiếu phát hành năm 2008, có kỳ hạn 3 năm, lãi suất trả cho kỳ đầu tiên là 12,75%, lãi suất trả cho các kỳ sau bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ 3 năm kỳ gần nhất cộng biên độ 2,50%/năm.
- *Trái phiếu Công ty TNHH Hùng Vương Huệ* là trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 12,50%/năm cho kỳ đầu tiên; lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 3,60%) cho các kỳ tiếp theo, lãi được trả hàng năm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

- Trái phiếu Tập đoàn Công Nghiệp than khoáng sản Việt Nam là trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 10,50%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư KD và PT Hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Hà là trái phiếu 3 năm và có lãi suất là 12,50%/năm cho kỳ đầu tiên, lãi suất thả nổi thay đổi ba tháng một lần (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 4,00%) cho các kỳ tiếp theo; lãi được 6 tháng/lần.
- Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát là trái phiếu 3 năm, có lãi suất là 14,50%/năm cho kỳ trả lãi đầu tiên, lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 3,50%) cho các kỳ tiếp theo; lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển sản xuất Hạ Long là trái phiếu 2 năm, có lãi suất là 15,00%/năm cho kỳ trả lãi đầu tiên, lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 4,00%) cho các kỳ tiếp theo; lãi được trả hàng năm.

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng có sử dụng một số chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho hoạt động vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm chi tiết tại Thuyết minh 46.3.

12.3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Năm 2011 triệu đồng	Năm 2010 triệu đồng
Số dư đầu kỳ	23.929	-
Số dự phòng đã trích lập trong kỳ	87.215	23.929
Số dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(5.677)	-
Số xử lý rủi ro trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	105.467	23.929

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Dự phòng triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Dự phòng triệu đồng
Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán	32.000	(18.252)	32.000	(23.929)
<i>Công ty CP Khai thác mỏ và XD (Cavico)</i>	32.000	(18.252)	32.000	(23.929)
Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	7.494.821	(83.335)	3.279.270	-
Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn	4.349.271	(3.880)	4.004.518	-
	(105.467)		(23.929)	

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	281.959
Vốn góp tăng trong năm	-
Vốn góp giảm trong năm	(2.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	279.459
Dự phòng giảm giá	(16.388)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	263.071

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
Đầu tư vào các tổ chức tài chính				
Công ty BH và Tái BH Viễn Đông (1)	11.571	11.540	11.571	11.571
Quý Thành viên Vietcombank 1 (VPF1) (1)	5.000	2.911	7.500	5.588
Quý Đầu tư Tăng trưởng Việt Long (1)	30.000	18.663	30.000	15.763
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (1)	50.000	48.903	50.000	50.000
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế				
Công ty CP Đồng Xuân (1)	5.000	5.000	5.000	5.000
Công ty CP TM - DV Đông Anh (1)	10.000	9.833	10.000	10.000
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng (1)	767	767	767	767
Công ty CP Xây dựng Năng lượng (1)	2.740	1.902	2.740	2.740
Công ty CP Bao bì và Kim loại thanh Sài Gòn (1)	11.156	10.883	11.156	-
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Cam Lập (1)	16.500	16.500	16.500	16.500
Công ty CP Dịch vụ thẻ Smartlink (1)	2.100	1.740	2.100	1.730
Công ty CP Bất động sản Lilama (1)	19.500	19.500	19.500	19.500
Trường Đại học Đông Á (1)	5.000	5.000	5.000	5.000
Công ty CP XNK và Chế biến Cầu Tre (1)	9.100	9.100	9.100	9.100
Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (2)	6.000	6.000	6.000	6.000
Công ty CP Tòa nhà Cavico (2)	4.620	4.424	4.620	4.620
Công ty CP Đầu tư Bắc Thăng Long - Hà Nội (2)	1.500	1.500	1.500	1.500
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Bình Tiên (2)	8.000	8.000	8.000	8.000
Công ty CP Thủy sản Bình An (2)	80.000	80.000	80.000	80.000
Công ty Dược và TTBVT Quân Đội (2)	905	905	905	905
	279.459	263.071	281.959	254.284

(1) Ngân hàng là cổ đông sáng lập của tổ chức nhận vốn góp
(2) Ngân hàng là cổ đông chiến lược của tổ chức nhận vốn góp

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

Trong năm, Ngân hàng đã xem xét trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn vào những doanh nghiệp đang bị lỗ lũy kế theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Ngân hàng đã hạch toán đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản góp vốn đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng</i>	<i>Máy móc thiết bị triệu đồng</i>	<i>Phương tiện vận tải triệu đồng</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng</i>	<i>TSCĐ khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	91.659	113.447	30.839	38.714	10.954	285.613
Mua trong kỳ	6.840	12.199	17.861	6.050	3.261	46.211
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.955)	(1.508)	(5.642)	(2.684)	(153)	(11.942)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	96.544	124.138	43.058	42.080	14.062	319.882
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	(13.129)	(57.080)	(14.061)	(24.261)	(4.108)	(112.639)
Khấu hao trong kỳ	(3.796)	(17.181)	(4.781)	(6.385)	(2.425)	(34.568)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	1.325	1419	3.289	2.601	153	8.787
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(15.600)	(72.842)	(15.553)	(28.045)	(6.380)	(138.420)
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu kỳ	78.530	56.367	16.778	14.453	6.846	172.974
Tại ngày cuối kỳ	80.944	51.296	27.505	14.035	7.682	181.462

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

14.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng</i>	<i>Máy móc thiết bị triệu đồng</i>	<i>Phương tiện vận tải triệu đồng</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng</i>	<i>TSCĐ khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá:						
Số dư đầu kỳ	104.364	102.225	21.407	31.875	7.623	267.494
Mua trong kỳ	-	10.481	9.261	5.023	3.367	28.132
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.145	-	3.049	161	4.355
Tăng khác	-	-	171	-	-	171
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(5.780)	(302)	-	(53)	(22)	(6.157)
Giảm khác	(6.925)	(102)	-	(1.180)	(175)	(8.382)
Số dư cuối kỳ	91.659	113.447	30.839	38.714	10.954	285.613
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu kỳ	(12.568)	(42.343)	(10.445)	(19.254)	(2.623)	(87.233)
Khấu hao trong kỳ	(3.689)	(15.136)	(3.616)	(6.232)	(1.684)	(30.357)
Tăng khác	(538)	-	-	-	-	(538)
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	3.666	399	-	1.225	199	5.489
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(13.129)	(57.080)	(14.061)	(24.261)	(4.108)	(112.639)
Giá trị còn lại của TSCĐ:						
Tại ngày đầu kỳ	91.796	59.882	10.962	12.621	5.000	180.261
Tại ngày cuối kỳ	78.530	56.367	16.778	14.453	6.846	172.974

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

	<i>31/12/2011 triệu đồng</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	-	3.861
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	90.546	48.068

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

14.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu kỳ	69.371	16.808	86.179
Mua trong kỳ	10.202	-	10.202
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.238)	-	(1.238)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>78.335</u>	<u>16.808</u>	<u>95.143</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(22.694)	(3.451)	(26.145)
Khấu hao trong kỳ	(10.832)	-	(10.832)
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	1.238	-	1.238
Số dư cuối kỳ	<u>(32.288)</u>	<u>(3.451)</u>	<u>(35.739)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	<u>46.677</u>	<u>13.357</u>	<u>60.034</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>46.047</u>	<u>13.357</u>	<u>59.404</u>

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu kỳ	45.460	439	45.899
Mua trong kỳ	23.285	16.369	39.654
Tặng khác	972	-	972
Thanh lý, nhượng bán	-	-	0
Giảm khác	(346)	-	(346)
Số dư cuối kỳ	<u>69.371</u>	<u>16.808</u>	<u>86.179</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(17.959)	(306)	(18.265)
Khấu hao trong kỳ	(5.080)	(3.145)	(8.225)
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	345	-	345
Số dư cuối kỳ	<u>(22.694)</u>	<u>(3.451)</u>	<u>(26.145)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	<u>27.501</u>	<u>133</u>	<u>27.634</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>46.677</u>	<u>13.357</u>	<u>60.034</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Các khoản lãi, phí phải thu	1.179.663	686.546
Các khoản phải thu	517.614	249.415
Tài sản có khác	92.421	2.519.646
	1.789.698	3.455.607
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	(15.671)	-
	1.774.027	3.455.607

15.1. Các khoản phải thu

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Các khoản lãi, phí phải thu bao gồm		
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	632.219	367.974
Lãi phải thu từ cho vay	464.932	195.227
Lãi phải thu từ tiền gửi	82.512	109.794
Lãi phải thu từ hợp đồng hoán đổi	-	10.681
Lãi phải thu từ hợp đồng kỳ hạn	-	2.870
	1.179.663	686.546

15.2. Các khoản phải thu

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ		
Phải thu cán bộ, công nhân viên	2.360	1.321
Các khoản phải thu bên ngoài của Ngân hàng		
Mua sắm tài sản cố định (*)	145.966	9.482
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	27.421	27.578
Phải thu về hỗ trợ lãi suất	26.480	30.738
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	33.550	9.105
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	-	-
Phải thu thanh toán hợp đồng kỳ hạn	-	92.916
Các khoản phải thu bên ngoài của Công ty con		
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán của HBBS	250.633	63.133
Phải thu quỹ hỗ trợ thanh toán	3.777	2.989
Trả trước cho người bán	316	-
Các khoản phải thu khác	27.111	12.153
	517.614	249.415

(*) Bao gồm khoản thanh toán mua nhà tại số 18 Nguyễn Văn Giai - Phường Đa Kao - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh với số tiền 135.000 triệu đồng. Tại thời điểm 31/12/2011, Ngân hàng đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.3. Tài sản có khác

	<i>31/12/2011</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán	61.482	1.147.225
Chi phí chờ phân bổ	25.186	154.366
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ (xem <i>Thuyết minh 22</i>)	5.514	3.580
Tài sản có khác	239	181
Ủy thác đầu tư	-	1.214.294
	92.421	1.305.352

16. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	<i>31/12/2011</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>
Vay NHNN		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	2.631.511	1.412.714
Vay thấu chi	-	598.834
	2.631.511	2.011.548

Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá có thời hạn là 1 hoặc 2 tuần và chịu lãi suất là 14%/năm.

17. TIỀN VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	<i>31/12/2011</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi các TCTD khác	11.535.445	10.313.744
Vay các TCTD khác	207.177	136.465
	11.742.622	10.450.209

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

17. TIỀN VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

17.1 Tiền, vàng gửi các TCTD khác

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
a. Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	36.948	635.835
Bằng VNĐ	36.948	635.835
Bằng vàng và ngoại tệ	-	-
b. Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	11.498.497	9.677.909
Bằng VNĐ	9.359.441	8.775.291
Bằng vàng và ngoại tệ	2.139.056	902.618
	11.535.445	10.313.744

17.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Bằng VNĐ	144.078	-
Bằng vàng và ngoại tệ	63.099	136.465
	207.177	136.465

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

18.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.139.355	1.362.969
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1.040.396	1.205.843
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	23.327	18.433
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	51.720	122.840
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	23.912	15.853
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	17.308.473	14.690.163
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	3.533.797	3.237.563
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	11.181.715	7.717.859
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	148.370	697.376
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	2.444.591	3.037.365
Tiền gửi vốn chuyên dùng	208	528
Tiền ký quỹ	118.866	132.388
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	59.969	61.493
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng, ngoại tệ	58.897	70.895
	18.566.902	16.186.048

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

18.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi (tiếp theo)

	31/12/2011 lãi suất %/năm	31/12/2010 lãi suất %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4 - 6,0	2,4
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4 - 6,0	2,4
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,5 - 2,0	0,2 - 0,5
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,5 - 2,0	0,2 - 0,5
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6,0 - 14,0	5,5 - 14,0
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1,2 - 5,2	0,2 - 8,0

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

18.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền gửi của TCKT	4.477.098	5.217.127
Doanh nghiệp nhà nước	1.397.011	57.818
DN ngoài nhà nước và các đối tượng khác	2.881.835	5.130.062
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	198.252	29.247
Tiền gửi của cá nhân	14.089.804	10.967.833
Tiền gửi của các đối tượng khác	-	1.088
	18.566.902	16.186.048

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ	369.332	868.092
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	4.254	3.482
	373.586	871.574

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO (tiếp theo)

19.1. Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND

Chi tiết các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Tổ chức tài trợ, ủy thác đầu tư	31/12/2011			31/12/2010		
	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm
Vay ngắn hạn bằng VND từ Dự án Tài chính Nông thôn III	Từ 2 năm trở lên	22.867	13,92	-	-	-
Vay trung và dài hạn bằng VND từ Dự án Tài chính Nông thôn II	Từ 2 năm trở lên	42.439	13,92	Từ 2 năm trở lên	55.654	11,64
Vay trung và dài hạn bằng VND từ Dự án Tài chính Nông thôn III	-	-	-	Trên 2 năm	2.339	11,64
Vốn ủy thác từ Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	-	-	Từ 6 tháng đến 3 năm	478.032	13,00
Vốn ủy thác từ Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	Dưới 6 tháng	31.341	16,00	Dưới 1 năm	82.067	16,10-17,60
Vốn nhận ủy thác, cho vay từ TCTD khác	Dưới 6 tháng	272.685	13,0 - 17,0	Dưới 6 tháng	250.000	12,50-14,00
		369.332			868.092	

Vay từ Dự án Tài chính Nông thôn II và III là các khoản vay từ Tổ chức Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính nhằm cho vay lại đối với các TCTD tham gia để cung cấp các khoản vay tới các hộ gia đình với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Lãi suất của các khoản vay này là 11,64%/năm (năm 2010 là từ 9,12%/năm). Lãi suất cho vay tới các hộ gia đình tùy theo mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng trong từng giai đoạn.

Vốn nhận ủy thác cho vay từ TCTD khác là khoản vốn nhận từ các TCTD nhằm cho vay một số đối tượng khách hàng theo hợp đồng ủy thác cho vay, tuy nhiên Ngân hàng phải chịu rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay khách hàng.

19.2. Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ

Tổ chức tài trợ, ủy thác đầu tư	31/12/2011			31/12/2010		
	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm
Vay trung và dài hạn bằng ngoại tệ từ Dự án Tài chính Nông thôn II	Trên 20 năm	3.535	0,75	trên 20 năm	3.482	0,75
Vốn ủy thác từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Previa VN	-	719	0,75	-	-	-
		4.254			3.482	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ THÔNG THƯỜNG

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	21.376	302.783
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	1.700.000	-
Trái phiếu thông thường		
24 tháng	1.230.000	2.400.000
Trái phiếu chuyển đổi		
12 tháng	-	1.050.000
	2.951.376	3.752.783

Kỳ phiếu kỳ hạn dưới 12 tháng được phát hành bằng đồng Việt Nam và có lãi suất cố định là 14,00% bao gồm 2 loại kỳ phiếu có kỳ hạn 6 tháng và kỳ phiếu có kỳ hạn 3 tháng với giá trị lần lượt là 700.000 triệu đồng và 1.000.000 triệu đồng.

Trái phiếu kỳ hạn 24 tháng được phát hành bằng đồng Việt Nam phát hành thời hạn từ ngày 16 tháng 9 năm 2010 đến 16 tháng 9 năm 2012, hàng năm định lại lãi suất, lãi suất trả sau năm 2011 là 15,8% (2010 là 11,35%).

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện phát hành 10.500.000 số lượng trái phiếu chuyển đổi để tăng vốn như sau:

<i>Ngày phát hành</i>	<i>Loại tiền</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Số tiền thu được từ phát hành triệu đồng</i>
28/08/2010	VND	12 tháng	10,49%/năm	1.050.000

Trong tháng 8 năm 2011, Ngân hàng đã hoàn tất việc thực hiện chuyển đổi toàn bộ các trái phiếu trên để tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng lên 4.050 tỷ đồng theo Quyết định chấp thuận số 5047/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chi tiết việc chuyển đổi như sau:

	<i>Số lượng trái phiếu/cổ phiếu</i>	<i>Số tiền triệu đồng</i>
Trái phiếu chuyển đổi		
Vốn gốc	10.500.000	1.050.000
Tiền lãi	-	-
	10.500.000	1.050.000
Chuyển tăng vốn điều lệ (Thuyết minh số 23.1)		
Vốn điều lệ	105.000.000	1.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	105.000.000	1.050.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2011 <i>triệu đồng</i>	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>
Các khoản phải trả nội bộ		
- Các khoản phải trả công nhân viên	-	-
- Quỹ trợ cấp mất việc làm	1.193	1.905
- Doanh thu chờ phân bổ	7.278	82.302
- Phải trả về Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo	-	783
- Phải trả về Quỹ khen thưởng	5.579	4.065
- Phải trả về Quỹ phúc lợi	8.302	4.301
Các khoản phải trả bên ngoài		
- Các khoản phải trả nhà đầu tư chứng khoán	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.832	109.476
- Các khoản chờ thanh toán	37.263	648.032
- Phải trả về hỗ trợ lãi suất	5.032	11.763
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	8.050	2.655
- Các khoản phải trả khác	33.923	21.459
	172.452	886.741

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	<i>Phát sinh trong kỳ</i>			<i>triệu đồng</i>
	<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
Thuế GTGT	(3.580)	4.347	6.281	(5.514)
Thuế TNDN	109.476	75.883	119.527	65.832
Thuế TNCN	124	20.364	20.459	29
Thuế nhà thầu	-	272	272	-
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	-	106	106	-
	106.020	100.972	146.645	60.347

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty con của Ngân hàng là Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (HBBS) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do công ty vẫn đang trong giai đoạn được ưu đãi thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	310.132	601.797
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập của Ngân hàng	291.676	475.159
Thu nhập của công ty con	18.456	126.638
<i>Trừ</i>		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(3.169)	(4.971)
Thu nhập từ CK lần đầu do kho bạc NN phát hành	-	(18.741)
Thu nhập của công ty con hạch toán độc lập	-	(126.638)
<i>Cộng:</i>		
Dự phòng trích (thừa)/thiếu của năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN của Ngân hàng	306.963	451.447
Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng theo thuế suất 25% (năm 2009: 25%)	72.451	112.862
Chi phí thuế TNDN của công ty con theo thuế suất 20%	3.432	12.614
Thuế TNDN trong năm tài chính	75.883	125.476
Thuế TNDN phải trả đầu năm	109.476	79.014
Thuế TNDN đã trả trong năm	(119.527)	(95.014)
Thuế TNDN trả cho năm trước	(109.476)	(79.014)
Thuế TNDN trả cho năm hiện hành	(10.051)	(16.000)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	65.832	109.476

22.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các tài sản và nợ phải trả tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tạ ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

23. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

23.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2011 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	Vốn điều lệ triệu đồng	Thặng dư vốn phần đồng triệu đồng	Chênh lệch đánh giá lại tài sản đồng triệu đồng	Lợi ích của cổ đồng thiếu số đồng triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính đồng triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đồng triệu đồng	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu(Quỹ dự trữ bắt buộc)triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế đồng triệu đồng	Tổng cộng đồng triệu đồng
Số dư đầu kỳ	3.000.000	1.455	-	-	111.953	31.891	19.012	369.141	3.533.452
Tăng trong kỳ	1.050.000	-	17.982	2.098	34.419	18.115	-	181.617	1.304.231
Chuyển đổi từ trái phiếu CP (*)	1.050.000	-	-	-	-	-	-	-	1.050.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	98	-	-	-	234.151	234.249
Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước	-	-	-	-	34.419	18.115	-	(52.534)	-
Các khoản tăng khác	-	-	17.982	2.000	-	-	-	-	19.982
Giảm trong kỳ	-	-	(17.982)	-	-	(3.093)	(4.010)	(419.977)	(445.062)
Điều chỉnh chênh lệch trích thừa năm trước tại Công ty con	-	-	-	-	-	(3.093)	(4.010)	7.103	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(6.000)	(6.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(180.000)	(180.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	(240.000)	(240.000)
Giảm do nộp thuế TNCN	-	-	-	-	-	-	-	(1.080)	(1.080)
Các khoản giảm khác	-	-	(17.982)	-	-	-	-	-	(17.982)
Số dư cuối kỳ	4.050.000	1.455	-	2.098	146.372	46.913	15.002	130.781	4.392.621

(*) Trong năm 2010, Ngân hàng đã phát hành một (01) đợt trái phiếu chuyển đổi bằng đồng Việt Nam, có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 10,49%/năm và có tỷ lệ chuyển đổi là 1:10 (một trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu). Các trái phiếu chuyển đổi này đến hạn vào tháng 8 năm 2011 và đã được chuyển đổi thành vốn cổ phần theo Quyết định chấp thuận số 5047/QĐ-NHNN ngày 29/06/2011 của Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

23. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

23.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết phân vốn đầu tư của Ngân hàng như sau:

	31/12/2011			31/12/2010		
	Tổng số triệu đồng	Vốn CP thường triệu đồng	Vốn CP ưu đãi triệu đồng	Tổng số triệu đồng	Vốn CP thường triệu đồng	Vốn CP ưu đãi triệu đồng
Vốn góp của các cổ đông	4.050.000	4.050.000	-	3.000.000	3.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	1.455	1.455	-	1.455	1.455	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
	4.051.455	4.051.455	-	3.001.455	3.001.455	-

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	405.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	405.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	405.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	405.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	405.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

23. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

23.2. Các quỹ của Ngân hàng

Ngân hàng trích lập các quỹ dự trữ theo Luật các TCTD số 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	Không quy định	Không quy định

Ngoài ra, Ngân hàng trích 6.000 triệu đồng vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm. Ngân hàng chưa thực hiện trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc cho năm 2011 và sẽ thực hiện sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

23.3. Các quỹ dự trữ của công ty con

Theo Thông tư 11/2000/ TT- BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, các công ty chứng khoán phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm được thực hiện trong năm tiếp theo, sau khi có sự thông qua của công ty mẹ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cổ phiếu phổ thông phát hành thu tiền được tính vào số bình quân gia quyền của cổ phiếu khi ghi nhận được tiền. Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn lợi nhuận để lại và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ làm tăng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành mà không có sự gia tăng nguồn vốn. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện này được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông được lưu hành với giả thiết sự kiện này đã xảy ra ngay tại thời điểm đầu kỳ báo cáo.

Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng	234.151	476.321
Trừ: trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính)	(6.000)	-
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu	228.151	476.321
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	336.246.575	300.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	679	1.588

25. CỔ TỨC

Ngân hàng đã thông báo và trả cổ tức năm 2011 vào tháng 9 năm 2011 với tỷ lệ cổ tức là 8%, tương đương 240.000 triệu đồng. Số cổ tức thực trả bằng tiền trong năm là 235.813 triệu đồng.

26. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	644.346	350.033
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	4.218.076	2.038.195
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ:	907.449	665.180
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	2.075	-
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	905.374	665.180
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	-	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	6.240	5.914
	5.776.111	3.059.322

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

27. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	4.363.473	1.800.447
Trả lãi tiền vay	285.685	291.744
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	289.380	217.623
Trả lãi tiền thuê tài chính	-	-
Chi phí hoạt động tín dụng khác	742	884
	4.939.280	2.310.698

28. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	113.743	142.198
Dịch vụ thanh toán	29.216	28.552
Nghiệp vụ bảo lãnh	23.372	30.255
Dịch vụ tư vấn	15.212	63.425
Dịch vụ môi giới chứng khoán cho người đầu tư	43.028	17.081
Dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	19
Thu phí dịch vụ khác	2.915	2.866
Chi phí hoạt động dịch vụ	(26.979)	(32.064)
Dịch vụ thanh toán	(8.750)	(7.584)
Hoạt động ngân quỹ	(12)	(20)
Dịch vụ tư vấn	(7.514)	(16.793)
Chi phí hoa hồng, môi giới	(3.120)	(2.714)
Chi phí dịch vụ khác	(7.583)	(4.953)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	86.764	110.134

29. LỖ THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	132.769	11.590.042
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	128.833	11.588.754
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.936	1.288
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(237.662)	(11.604.309)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(153.137)	(11.539.227)
Lãi lỗ do đánh giá lại cuối kỳ	(32.517)	-
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(52.008)	(65.082)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(104.893)	(14.267)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

30. LÃI/LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3.743	104.290
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(6.826)	(3.558)
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(6.977)	(9.753)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh	(10.060)	90.979

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	382.016	119.752
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(37.685)	(2.442)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(81.538)	(9.410)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	262.793	107.900

32. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2011 <i>triệu đồng</i>	2010 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	62.882	244.263
Thu hồi các khoản nợ xấu đã được xử lý	20.198	83.280
Thu nhập từ thanh lý tài sản	26.996	156.372
Thu nhập khác	4.401	4.611
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn khác	11.287	-
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	(20.400)	(28.770)
Chi phí khác	(20.400)	(28.770)
Lãi thuần từ hoạt động khác	42.482	215.493

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

33. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần:	3.169	5.465
- từ chứng khoán Vốn kinh doanh	1.300	1.288
- từ chứng khoán Vốn đầu tư	-	-
- từ góp vốn, đầu tư dài hạn	1.869	4.177
Các khoản thu nhập khác	-	-
	3.169	5.465

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2011 triệu đồng	2010 triệu đồng
Chi phí thuế và các khoản phí, lệ phí	23.373	15.833
Chi phí cho nhân viên	198.204	156.906
- Chi lương và phụ cấp	186.113	150.018
- Các khoản chi đóng góp theo lương	10.931	6.134
- Chi trợ cấp	469	564
- Chi công tác xã hội	691	190
Chi về tài sản	75.587	63.501
- Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	45.400	38.582
Chi thuê tài sản	61.438	46.757
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	18.533	14.339
- Công tác phí	13.193	7.854
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	5.339	6.485
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	16.854	11.511
Chi dự phòng	15.671	5.797
Chi xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị và khuyến mại	37.719	22.315
Chi bưu phí và điện thoại	10.398	7.891
Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	12.454	10.819
Chi phí hoạt động khác	45.622	31.275
	515.853	386.944

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	347.533	348.634
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	769.738	837.777
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày	2.391.030	4.548.981
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	1.000.000	-
	4.508.301	5.735.392

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>Thực tế phát sinh năm 2011</i>	<i>Thực tế phát sinh năm 2010</i>
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	1.864	1.464
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	173.195	129.237
2. Tiền thưởng	-	31.037
3. Thu nhập khác	10.981	18.052
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	<u>184.176</u>	<u>178.326</u>
5. Tiền lương bình quân/tháng	<u>7,74</u>	<u>7,36</u>
6. Thu nhập bình quân/tháng	<u>8,23</u>	<u>10,15</u>

37. TÀI SẢN THẾ CHẤP

37.1 Loại hình và giá trị tài sản thế chấp nắm giữ của khách hàng

	<i>Giá trị sổ sách tại thời điểm cầm cố, thế chấp (triệu đồng)</i>		<i>Giá trị sổ sách tại thời điểm lập báo cáo (triệu đồng)</i>	
	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Bất động sản	16.156.226	7.760.174	16.156.226	7.760.174
Động sản	3.725.243	1.818.869	3.725.243	1.818.869
Chứng từ có giá	2.108.465	1.816.882	2.108.465	1.816.882
Tài sản khác	4.131.046	7.824.808	4.131.046	7.824.808
	<u>26.120.980</u>	<u>19.220.733</u>	<u>26.120.980</u>	<u>19.220.733</u>

37.2 Các tài sản thế chấp nắm giữ và được phép bán hoặc đem đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ

	<i>2011 triệu đồng</i>
Giá trị hợp lý của các chứng khoán nắm giữ có thể được bán hoặc thế chấp lại cho bên thứ ba	
Theo các hợp đồng mua và bán lại, các hợp đồng đi vay và cho vay chứng khoán	-
Theo các hợp đồng cho vay	-
Theo các giao dịch phái sinh và giao dịch khác	-
	<u>-</u>
Trong đó, phần đã bán hoặc đem đi thế chấp cho bên thứ ba	<u>-</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

38. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

38.1 Các cam kết ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Chi tiết cam kết ngoại bảng vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>31/12/2011</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>
Bảo lãnh tài chính	462.118	1.037.771
Thư tín dụng trả ngay	143.527	500.622
Thư tín dụng trả chậm	123.651	250.947
Cam kết bảo lãnh khác	544.297	-
	1.273.593	1.789.340

38.2 Nghĩa vụ tiềm ẩn khác

Trong quá trình đối chiếu sổ dư định kỳ, Ngân hàng phát hiện có một số dấu hiệu bất thường trong giao dịch mà Ngân hàng làm trung gian nhận tiền gửi để ủy thác đầu tư cho hai khách hàng. Theo đó, các đối tượng có liên quan bên ngoài đã cố tình có hành vi gian lận, lừa đảo Ngân hàng trong giao dịch này bằng cách làm giả cam kết đảm bảo dùng tiền gửi của bên thứ ba tại Ngân hàng để bảo lãnh cho khoản ủy thác đầu tư của Ngân hàng cho hai khách hàng nêu trên. Ngân hàng đã chủ động báo cáo cơ quan có thẩm quyền và vụ việc này đã được khởi tố hình sự, chưa có kết luận cuối cùng. Ban Điều hành của Ngân hàng tin tưởng rằng vì Ngân hàng chỉ là trung gian tài chính nên Ngân hàng không phải chịu trách nhiệm liên đới và bất kỳ tổn thất tài chính nào liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng nói trên, trừ các chi phí hoặc tổn thất tài chính có thể kiểm soát được phát sinh trong quá trình theo đuổi và thi hành các thủ tục tố tụng liên quan.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

39. HOẠT ĐỘNG ỦY THÁC VÀ ĐẠI LÝ TCTD KHÔNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Vốn cho vay ủy thác đầu tư nhận từ các tổ chức khác	-	714.724
	-	714.724

40. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- ▶ có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
- ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

(e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d);

Chi tiết nợ và cho vay các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Phải thu</i> <i>triệu đồng</i>	<i>(Phải trả)</i> <i>triệu đồng</i>
Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu	Cổ đông của Ngân hàng	Cho vay của Ngân hàng	752.222	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

41. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<i>Tổng dư nợ cho vay</i>	<i>Tổng tiền gửi</i>	<i>Các cam kết tín dụng (*)</i>	<i>CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)</i>	<i>Kinh doanh và đầu tư chứng khoán</i>
Trong nước	17.830.490	18.819.660	1.273.593	42.759.955	11.824.723
Nước ngoài	-	7.374	-	-	-

(*) Các cam kết tín dụng bao gồm cam kết bảo lãnh tài chính, cam kết thanh toán theo thư tín dụng và cam kết cho vay khách hàng không hủy ngang.

42. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Mục tiêu của Ngân hàng là tối đa hóa giá trị đầu tư của cổ đông, giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, Ngân hàng cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

PHỤ LỤC
TÀI CHÍNH
NHÀ NƯỚC
TP

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

43. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

43.1. Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và Công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

43.2. Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá được như sau:

	Quá hạn			
	Dưới 90 ngày triệu đồng	91-180 ngày triệu đồng	181-360 ngày triệu đồng	Trên 360 ngày triệu đồng
TÀI SẢN				
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác				
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	223.954	-	-	-
Cho vay các TCTD khác	-	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-
Cho vay khách hàng	751.233	163.845	19.148	33.327
Chứng khoán đầu tư				
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	500.000	-	-	-
Tài sản có khác				
Các khoản phải thu	-	-	-	-
Các khoản lãi, phí phải thu	67.832	-	-	-
Tài sản Có khác	-	-	-	-

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

44.1. Rủi ro lãi suất

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- ▶ Đối với chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán Nợ, thời hạn định lại lãi suất thực tế được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của từng loại chứng khoán; chứng khoán Vốn được xếp loại khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế còn lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời hạn định lại lãi suất khác nhau.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Ảnh hưởng do định giá lại lãi suất trong khoảng thời gian từ					Đơn vị: triệu đồng
				Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	
				tháng	tháng	tháng	năm	năm	
TÀI SẢN									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	347.533	-	-	-	-	-	-	347.533
Tiền gửi tại NHNN	-	-	440.766	-	-	-	-	-	440.766
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác(*)	-	-	2.782.282	954.893	610.000	5.606	270.000	-	4.622.781
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	500	50.642	6.762	34.845	-	92.749
Các công cụ TC phái sinh và các tài sản TC khác	-	1.656	82	(475)	-	-	-	-	1.081
Cho vay khách hàng (*)	6.406.932	-	7.821.196	3.620.067	2.773.484	1.410.559	22.765	297.402	22.352.405
Chứng khoán đầu tư (*)	500.000	334.114	240.000	1.150.000	1.360.000	1.831.500	5.740.478	720.000	11.876.092
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	247.359	32.100	279.459
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	240.866	-	-	-	-	-	-	240.866
Tài sản Có khác (*)	-	1.789.698	-	-	-	-	-	-	1.789.698
Tổng tài sản	6.906.932	2.713.867	11.284.326	5.724.985	4.793.944	3.254.427	6.315.447	1.049.502	42.043.430
NỢ PHẢI TRẢ									
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	10.757.405	2.516.728	1.100.000	-	-	-	14.374.133
Tiền gửi của khách hàng	395.000	-	8.947.468	6.193.559	617.881	1.979.380	432.385	1.229	18.566.902
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	58.270	230.920	27.368	8.134	44.640	4.254	373.586
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	8.179	1.011.427	701.424	1.230.346	-	-	2.951.376
Các khoản nợ khác	-	617.331	-	-	-	-	-	-	617.331
Tổng nợ phải trả	395.000	553.963	19.834.690	9.952.634	2.446.673	3.217.860	477.025	5.483	36.883.328
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	6.511.932	747.026	(7.902.105)	(3.834.191)	2.347.271	184.567	5.838.422	1.267.180	5.160.102
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	-	(1.988)	-	-	-	-	-	(1.988)
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	6.511.932	747.026	(7.904.093)	(3.834.191)	2.347.271	184.567	5.838.422	1.267.180	5.158.114

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày Mẫu số B05/TCTD-HN

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

44.2. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

11/10/2011

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.2. Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi	VNĐ	Đơn vị: triệu đồng	
					Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	29.702	86.244	21.795	208.647	1.145	347.533
Tiền gửi tại NHNN	-	20.944	-	419.822	-	440.766
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.272	939.229	-	3.479.165	201.115	4.622.781
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	92.749	-	92.749
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	35.397	(14.438)	-	(19.878)	-	1.081
Cho vay khách hàng (*)	116.080	3.321.423	-	18.914.902	-	22.352.405
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	11.876.092	-	11.876.092
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	279.459	-	279.459
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	240.866	-	240.866
Các tài sản Có khác (*)	373	16.383	-	1.772.942	-	1.789.698
Tổng tài sản	184.824	4.369.785	21.795	37.264.766	202.260	42.043.430
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	2.202.155	-	12.171.978	-	14.374.133
Tiền gửi của khách hàng	188.719	2.562.229	-	15.814.919	1.035	18.566.902
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	4.254	-	369.332	-	373.586
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	21.376	2.930.000	-	2.951.376
Các khoản nợ khác	1.263	22.906	-	592.918	244	617.331
Vốn và các quỹ	-	-	-	4.392.620	-	4.392.620
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	189.982	4.791.544	21.376	36.271.767	1.279	41.275.948
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(5.158)	(421.759)	419	992.999	200.981	767.482
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	12.363	180.009	-	-	(194.360)	(1.988)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	7.205	(241.750)	419	992.999	6.621	765.494

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày Mẫu số B05/TCTD-HN

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.2. Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Ngân hàng chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

44.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của ngân hàng. Đồng thời ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;

Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị dư nợ ban đầu;

- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn		Trong hạn			Đơn vị: triệu đồng	
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng			
				Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng		
				Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng	
Tài sản							
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	347.533	-	-	-	347.533
Tiền gửi tại NHNN	-	-	440.766	-	-	-	440.766
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	2.697.282	954.893	270.000	-	4.622.781
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	500	(67.200)	-	92.749
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	1.739	(475)	-	-	1.081
Cho vay khách hàng (*)	836.209	5.570.723	7.821.196	3.620.067	4.184.043	297.402	22.352.405
Chứng khoán đầu tư (*)	-	500.000	574.114	1.150.000	3.191.500	720.000	11.876.092
Góp vốn, đầu tư dài hạn(*)	-	-	(148.000)	-	148.000	32.100	279.459
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	240.866	-	-	-	240.866
Tài sản Có khác(*)	-	-	1.789.698	-	-	-	1.789.698
Tổng tài sản	836.209	6.070.723	13.542.033	5.724.985	8.383.415	1.049.502	42.043.430
Nợ phải trả							
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	10.734.599	2.512.543	1.120.307	6.684	14.374.133
Tiền gửi của khách hàng	-	395.000	8.513.147	5.819.036	2.987.780	1.229	18.566.902
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	58.270	230.920	35.502	4.254	373.586
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	8.180	1.011.426	1.931.770	-	2.951.376
Các khoản nợ khác	-	-	617.331	-	-	-	617.331
Tổng nợ phải trả	-	395.000	19.931.537	9.573.925	6.075.359	5.483	36.883.328
Mức chênh thanh khoản ròng	836.209	5.675.723	(6.166.343)	(3.848.940)	2.308.056	5.311.378	5.160.102

(*): Không bao gồm dự phòng rủi ro

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

45. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2011 triệu đồng	31/12/2010 triệu đồng
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	-	-
Các cam kết góp vốn đầu tư mua cổ phần	-	-
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	165.022	192.555
Trong đó:		
- đến hạn trong 1 năm	5.857	2.670
- đến hạn từ 2 đến 5 năm	126.222	106.299
- đến hạn sau 5 năm	32.943	83.586

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 46 trên các báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và công ty con theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng và công ty con chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Ngân hàng sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

46.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản tài sản tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
(Triệu VNĐ)							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	347.533	347.533	347.533
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	440.766	440.766	440.766
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	-	-	4.622.781	-	-	4.622.781	(*)
Chứng khoán kinh doanh	92.749	-	-	-	-	92.749	63.427
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-	1081	1.081	1.081
Cho vay khách hàng	-	-	22.352.405	-	-	22.352.405	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	7.526.821	-	7.526.821	7.425.226
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	4.349.271	-	-	-	4.349.271	4.345.401
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	1.568.345	1.568.345	(*)
	92.749	4.349.271	26.975.186	7.526.821	2.357.724	40.989.408	12.560.007

(*) Không có tham chiếu giá trị hợp lý.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

46.1 Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giá trị ghi sổ						
	Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
(Triệu VND)							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	2.631.511	2.631.511	2.637.185
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	11.742.622	11.742.622	11.909.761
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	18.566.902	18.566.902	19.024.787
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	373.586	373.586	386.757
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	2.951.376	2.951.376	3.017.602
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	568.334	568.334	568.334
	-	-	-	-	36.834.330	36.834.330	37.544.426

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

46. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

46.2 Phân loại lại tài sản tài chính

Trong năm, Ngân hàng đã thực hiện phân loại lại một số các tài sản tài chính như sau:

- 203.939 triệu đồng chứng khoán kinh doanh sang chứng khoán sẵn sàng để bán do thay đổi mục đích nắm giữ. Sự thay đổi này làm tăng lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng lên không đáng kể so với trường hợp không phân loại lại;
- 444.000 triệu đồng từ chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sang chứng khoán sẵn sàng để bán do thay đổi mục đích nắm giữ. Sự thay đổi này không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng như vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và công ty con.

46.3 Tài sản tài chính đã cầm cố, thế chấp hoặc đã chuyển nhượng nhưng không đủ điều kiện dừng ghi nhận

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011		Ngày 31 tháng 12 năm 2010	
	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Nghĩa vụ có liên quan triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Nghĩa vụ có liên quan triệu đồng
Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	-	-	136.100	136.100
Trái phiếu Chính phủ	6.607.385	5.553.480	2.207.200	1.677.796
Trái phiếu đô thị	66.673	43.822	5.000	1.870
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	571.655	428.177	302.834	305.900
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	388.000	299.693	-	-
Các khoản cho vay	399.627	399.000	308.021	299.300
Các tài sản khác	-	-	-	-
	8.033.340	6.724.172	2.823.055	2.284.866

47. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Mẫu số B05/TCTD-HN

48. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	31/12/2011 đồng	31/12/2010 đồng
USD	21.033	19.495
EUR	27.473	27.641
GBP	32.674	32.077
CHF	22.552	23.229
JPY	273	255
SGD	16.320	17.540
CAD	20.792	20.775
AUD	21.545	21.107

Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân giữa giá mua và giá bán ngoại tệ chuyển khoản vào cuối ngày 31 tháng 12 năm 2011 để quy đổi các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người lập:



Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt:

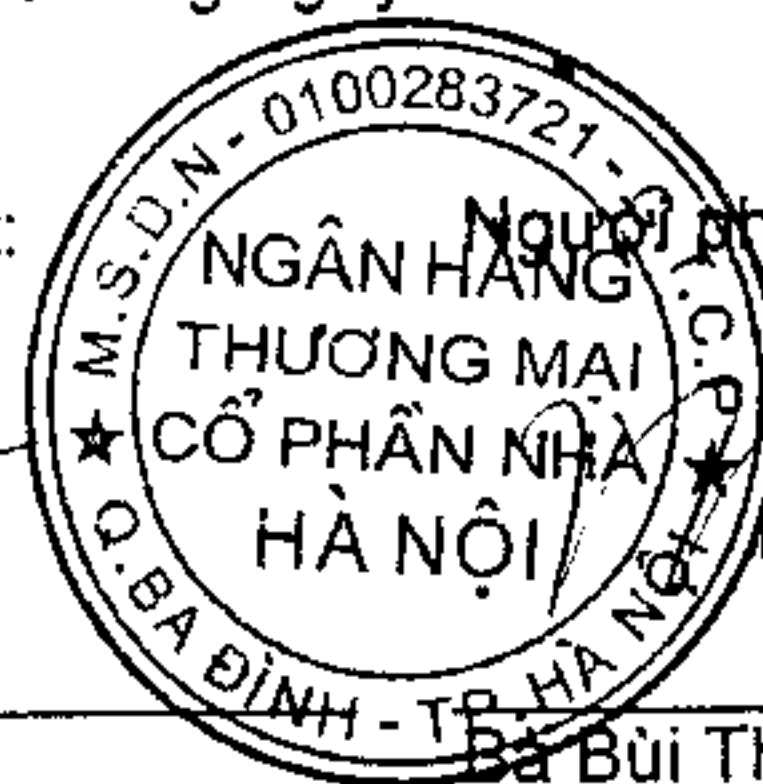


Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2012